

Bản án số: 38/2024/DS-ST

Ngày 29-7-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn Tiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Hạnh;

Ông Lê Ngọc Phi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐST-DS ngày 03/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1988 (Có mặt);

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn V, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bà Đỗ Ngọc Ánh T, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Chỗ ở hiện nay: Trại tạm giam Công an tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H, trình bày:* Từ năm 2021 bà Đỗ Ngọc Ánh T và ông Nguyễn V vay bà H số tiền là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng), số tiền nợ nêu trên được ông V và bà T xác nhận nợ bằng giấy viết tay đề ngày 16/6/2023, giấy tay có chữ ký của ông V, bà T. Khi vay tiền các bên không thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ, khi vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, tính từ năm 2021 tuy nhiên nội dung này không được lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói.

Ngày 16/9/2023 bà Đỗ Ngọc Ánh T và ông Nguyễn V tiếp tục vay bà H với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), việc vay mượn này có được lập thành giấy viết tay đề ngày 16/9/2023 và có chữ ký xác nhận của bà T, khi vay có thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay. Khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng tính từ ngày 16/9/2023, tuy nhiên nội dung này không được lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói.

Vì cần vốn làm ăn nên bà H đã nhiều lần yêu cầu ông V và bà T trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên cho bà H, tuy nhiên cho đến nay ông V, bà T vẫn không trả được cho bà H số tiền nợ nêu trên.

Vì vậy bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Đỗ Ngọc Ánh T và ông Nguyễn V thanh toán cho bà H số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Buộc bà Đỗ Ngọc Ánh T và ông Nguyễn V thanh toán cho bà H số tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc tính theo lãi suất 1,5%/tháng là 184.000.000 đồng, trong đó bao gồm: Tiền lãi đối với số tiền vay 900.000.000 đồng tính từ ngày 16/6/2023 đến ngày 16/5/2024 (11 tháng) làm tròn là 148.000.000 đồng; Tiền lãi đối với số tiền vay 300.000.000 đồng tính từ ngày 16/9/2023 đến ngày 16/5/2024 (8 tháng) là 36.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H yêu cầu bà Đỗ Ngọc Ánh T và ông Nguyễn V phải trả là 1.384.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi bốn triệu đồng).

*Phần trình bày của bị đơn ông Nguyễn V:* Ông V xác nhận phần trình bày nêu trên của nguyên đơn là đúng. Từ năm 2021 ông Nguyễn V và bà Đỗ Ngọc Ánh T vay của bà H số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng), số tiền nợ nêu trên được ông V và bà T xác nhận bằng giấy viết tay đề ngày 16/6/2023, giấy tay có chữ ký của ông V, bà T. Khi vay tiền các bên không thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ, khi vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, tính từ ngày 2021 tuy nhiên nội dung này không được lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói.

Ngày 16/9/2023, ông V và bà T tiếp tục vay của bà H với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), việc vay mượn này có được lập thành

giấy viết tay đề ngày 16/9/2023 và có chữ ký xác nhận của ông V, bà T, khi vay có thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay. Khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng tính từ ngày 16/9/2023, tuy nhiên nội dung này không được lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói.

Vì làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình khó khăn nên ông V, bà T chưa trả được số tiền nợ nêu trên cho bà H. Nay ông V xác nhận ông V, bà T còn nợ bà H tổng số tiền 1.384.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi tư triệu đồng) trong đó bao gồm 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), tiền nợ gốc và 184.000.000 đồng tiền nợ lãi. Ông V đồng ý trả cho bà H số tiền 1.384.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi bốn triệu đồng).

*Tại bản tự khai ngày 05/6/2024 bị đơn bà Đỗ Ngọc Ánh T trình bày:* Bà T xác nhận ông V, bà T có vay của bà H số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) cụ thể việc vay tiền được chia làm hai lần, đợt thứ nhất vào khoảng năm 2021 bà T vay 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) việc vay mượn có thỏa thuận là 1,5%/tháng, việc vay mượn có xác nhận bằng giấy viết tay 16/6/2023; đợt thứ 2 vay vào ngày 16/9/2023 số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) với lãi suất 2,5%/tháng, việc vay mượn được lập thành giấy viết tay. Bà T xác nhận đến nay bà T còn nợ bà H số tiền 1.384.000.000 đồng, trong đó bao gồm 1.200.000.000 đồng tiền gốc và 184.000.000 đồng tiền lãi. Nay bà T đồng ý trả cho bà H số tiền 1.384.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các bên đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ kiện: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Đơn khởi kiện của bà Lê Thị H phù hợp với quy định tại Điều 186, 189 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án chấp nhận để xem xét. Nội dung khởi kiện là tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn V và bà Đỗ Ngọc Ánh T vắng mặt tại phiên tòa đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Lê Thị H yêu cầu ông Nguyễn V, bà Đỗ Ngọc Ánh T trả số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng), nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thể hiện: Hợp đồng vay tài sản ngày 16/6/2023 và ngày 16/9/2023 được ký kết giữa bà Đỗ Ngọc Ánh T, ông Nguyễn V với bà Lê Thị H là phù hợp với nguyện vọng, ý chí của các bên; không có ý kiến tranh chấp về nội dung hợp đồng vay tài sản đã ký kết. Do đó, Hợp đồng vay tài sản ngày 16/6/2023 và ngày 16/9/2023 được ký kết giữa bà Đỗ Ngọc Ánh T, ông Nguyễn V với bà Lê Thị H phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận vào năm 2021 bà T, ông V có vay của bà Lê Thị H số tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) nhưng không thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ, việc vay mượn này có được lập thành giấy viết tay đề ngày 16/6/2023. Sau đó ông V, bà T tiếp tục vay bà H số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng, việc vay mượn được lập thành giấy viết tay đề ngày 16/9/2023. Sau khi hết thời hạn cho vay, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông V và bà T trả toàn bộ số tiền nợ, tuy nhiên ông V và bà T vẫn không trả được số tiền nợ đã vay của bà H, vì vậy ông V, bà T đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Tại bản khai của ông V, bà T đồng ý trả toàn bộ số tiền nợ theo yêu cầu của bà H, tuy nhiên ông V và bà T không tới tham gia phiên hòa giải nên không thể ghi nhận được việc hòa giải thành.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu Tòa án buộc bà T và ông V phải trả tổng số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng cho bà H là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về yêu cầu lãi suất: Tại Giấy mượn tiền ngày 16/6/2023 và Giấy mượn tiền ngày 16/9/2023 không ghi nhận nội dung thoả thuận về lãi suất, tuy nhiên ông V, bà T và bà H cùng thống nhất, xác nhận các bên có thoả thuận bằng lời nói về lãi suất 1,5%/tháng đối với Giấy mượn tiền ngày 16/6/2023 và lãi suất 2,5%/tháng đối với Giấy mượn tiền ngày 16/9/2023. Vì vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự có thể xác định nội dung, tình tiết nêu trên là đúng sự thật, thuộc những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 thì thoả thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định (vượt quá 20%/01 năm) thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Vì vậy, bà H yêu cầu ông V, bà T phải trả mức lãi suất 1,5%/tháng (18%/năm) là không vượt quá lãi suất giới hạn quy định nên có cơ sở chấp nhận.

Theo bà H trình bày thì đối với số tiền vay 900.000.000 đồng thì ông V, bà T còn phải có nghĩa vụ trả cho bà H tiền lãi tính từ ngày 16/6/2023 đến ngày 16/5/2024 (11 tháng); Đối với số tiền vay 300.000.000 đồng thì ông V, bà T còn phải có nghĩa vụ trả cho bà H tiền lãi tính từ ngày 16/9/2023 đến ngày 16/5/2024 (8 tháng). Ông V và bà T không có ý kiến gì đối với thời điểm tính lãi của bà H1, đồng thời ông V, bà T đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà H.

Theo phân tích, nhận định nêu trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, cụ thể: Đối với số tiền vay 900.000.000 đồng là  $900.000.000đ \times 11 \text{ tháng} \times 1,5\%/tháng = 148.500.000$  đồng, nguyên đơn tự nguyện làm tròn thành 148.000.000 đồng; đối với số tiền vay 300.000.000 đồng là  $300.000.000đ \times 8 \text{ tháng} \times 1,5\%/tháng = 36.000.000$  đồng.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn V và bà Đỗ Ngọc Ánh T phải trả cho bà H tổng số tiền nợ 1.384.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi bốn triệu đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi là 184.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án thì bị đơn ông Nguyễn V và bà Đỗ Ngọc Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà Lê Thị H. Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì những lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Nguyễn V và bà Đỗ Ngọc Ánh T.

Buộc ông Nguyễn V và bà Đỗ Ngọc Ánh T phải trả cho bà Lê Thị H tổng số tiền 1.384.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm, tám mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Đỗ Ngọc Ánh T và ông Nguyễn V phải nộp 53.520.000đ (Năm mươi ba triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị H số tiền 26.767.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003273 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức .

3. Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/7/2024) các đương sự được quyền kháng cáo. Do ông V, bà T vắng mặt nên thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKS huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- Nhung người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trương Văn Tiến**